



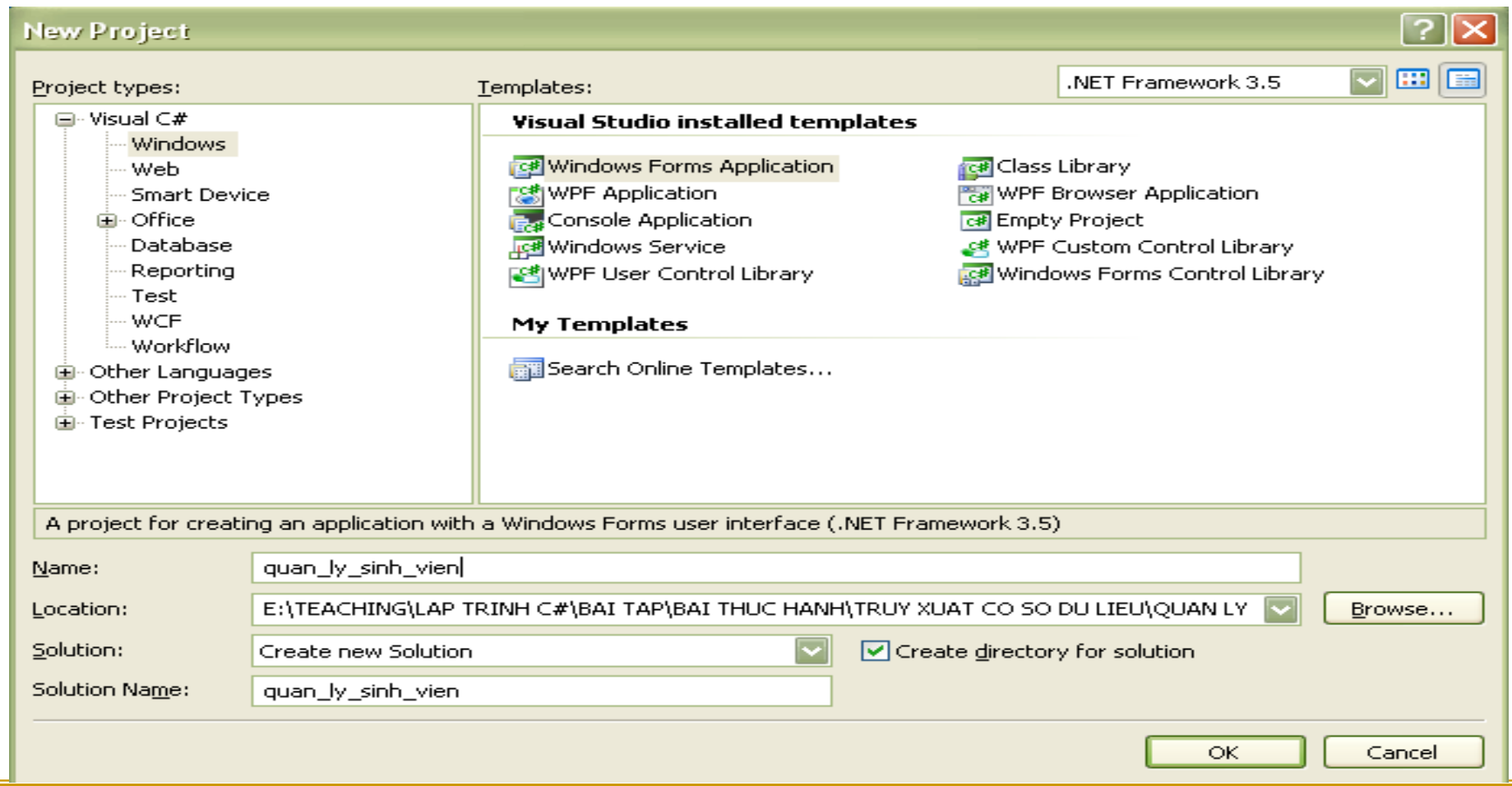
TRUY XUẤT CƠ SỞ DỮ LIỆU

Phạm Văn Duyệt



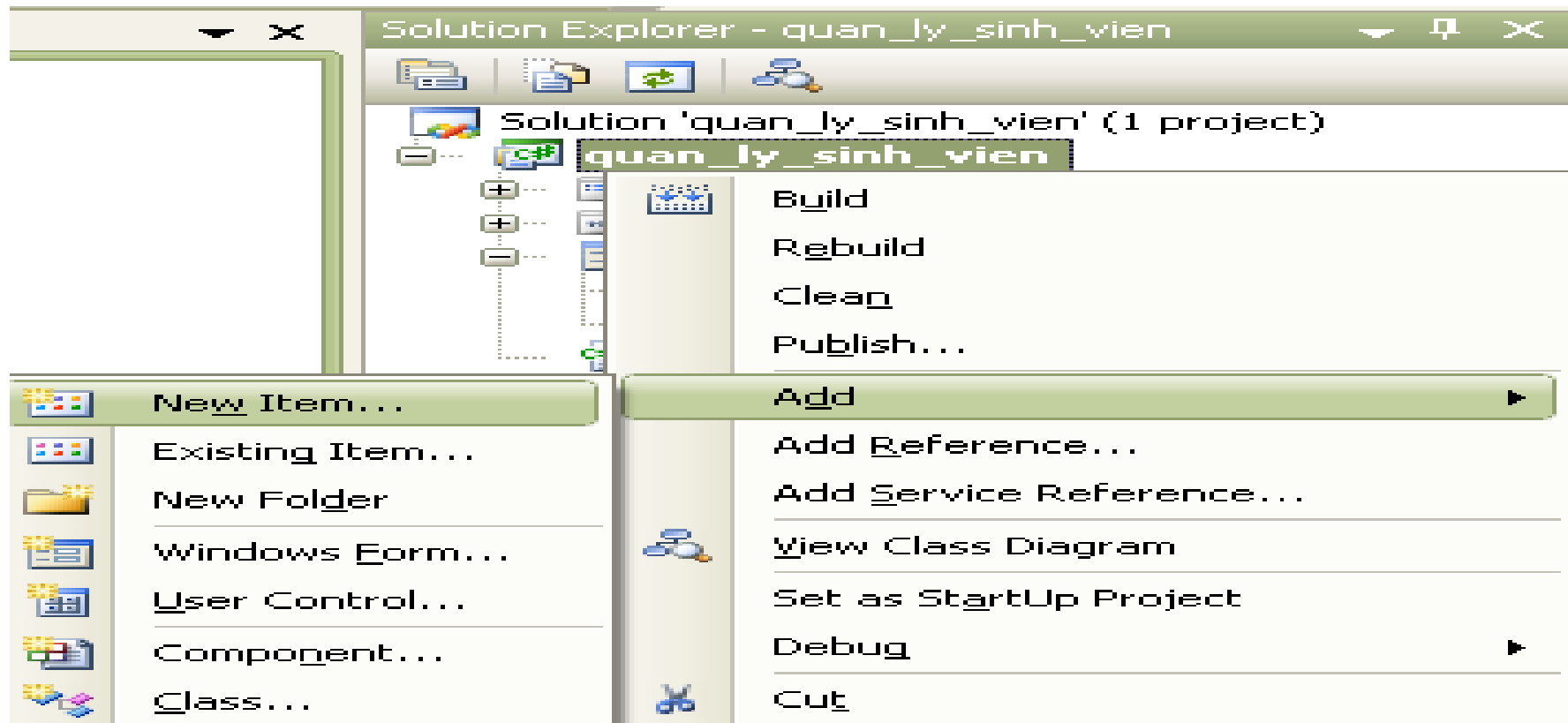
4.1. Tạo form chính

■ Tạo Project quan_ly_sinh_vien:



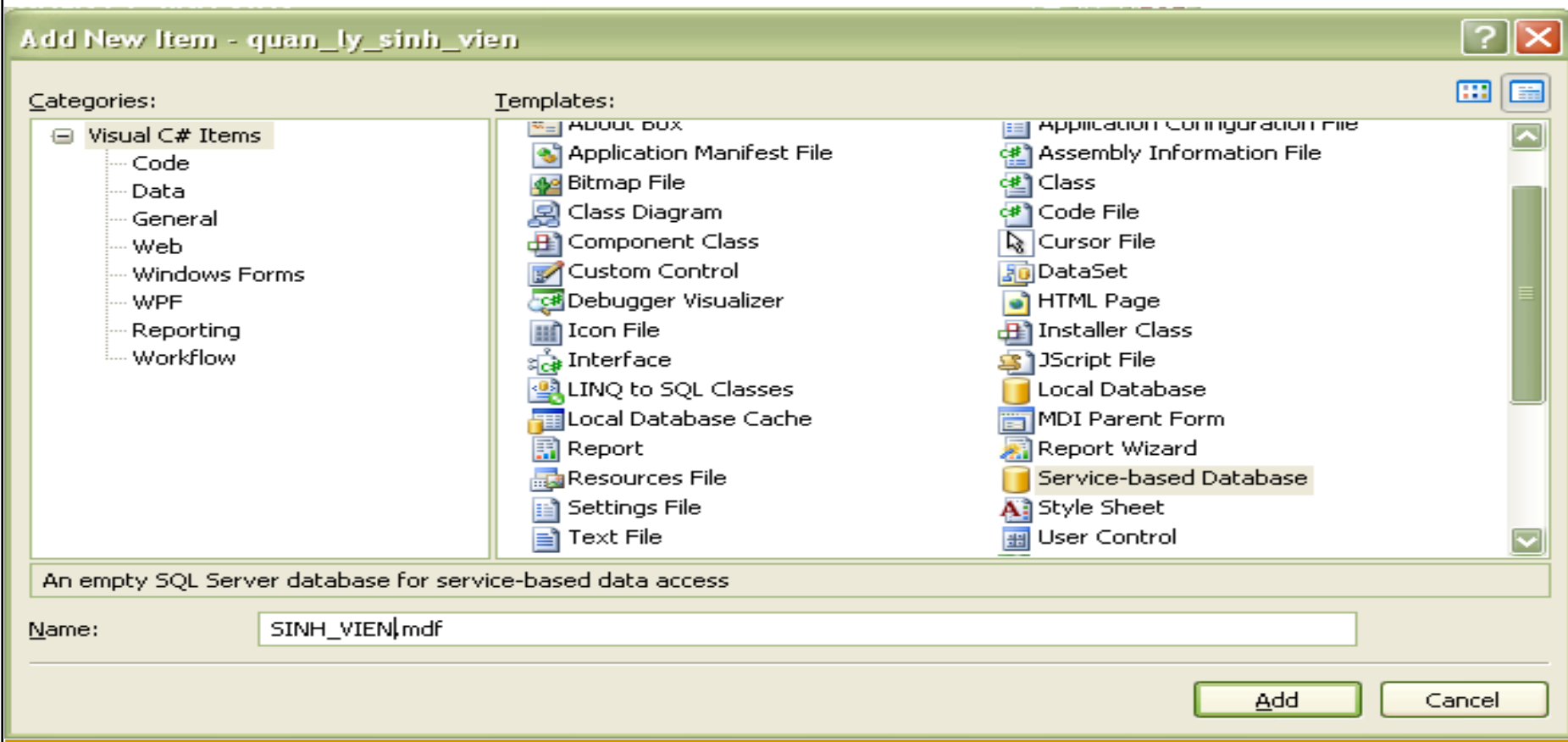
4.1. Tạo cơ sở dữ liệu

- Right click lên quan_ly_sinh_vien chọn Add chọn New Item...



4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

- Chọn Service-base Database & đặt tên CSDL là SINH_VIEN.mdf



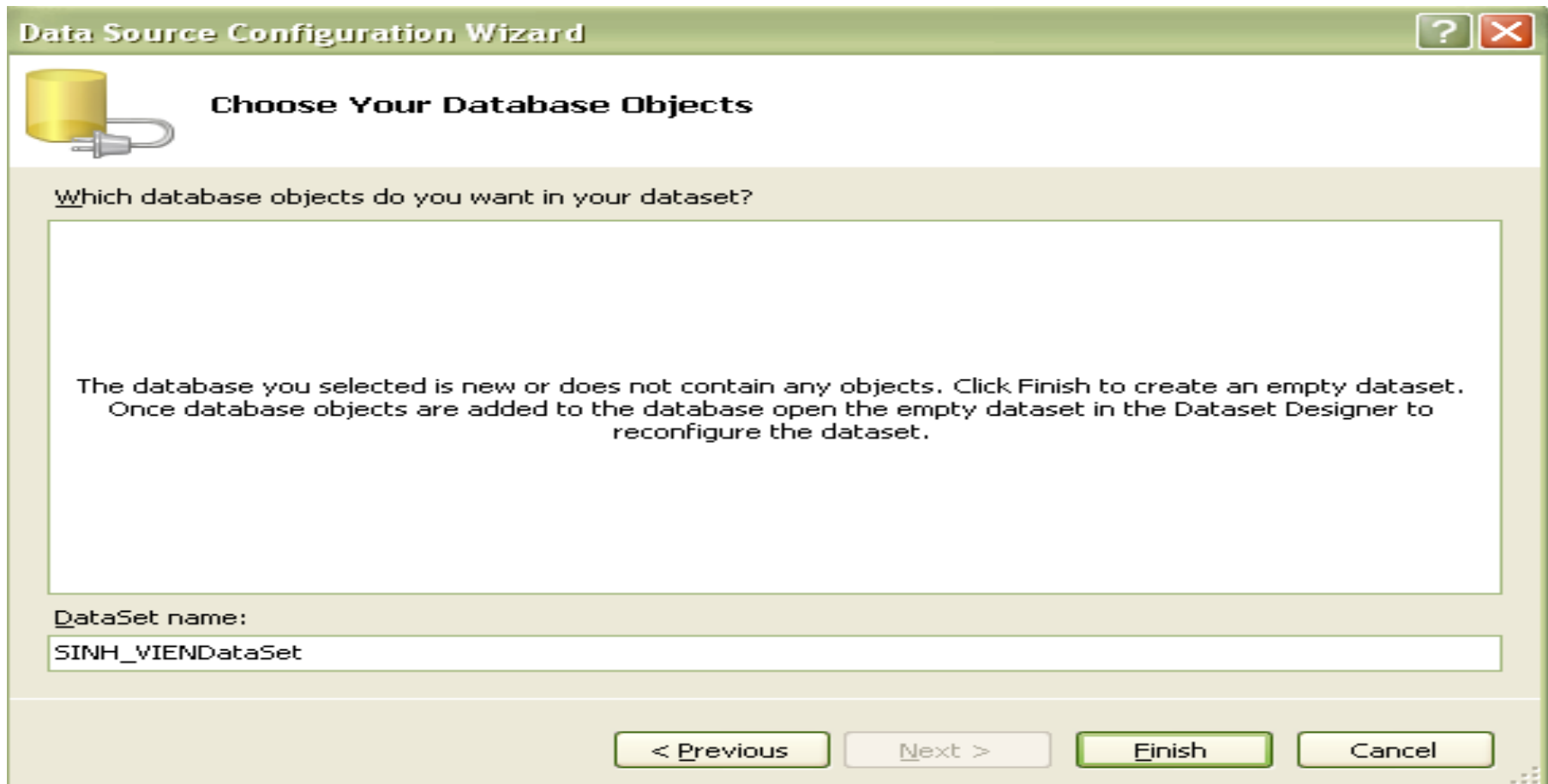
4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

- CSDL SINH_VIEN có phần mở rộng: .mdf



4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

■ Tự động tạo DataSet



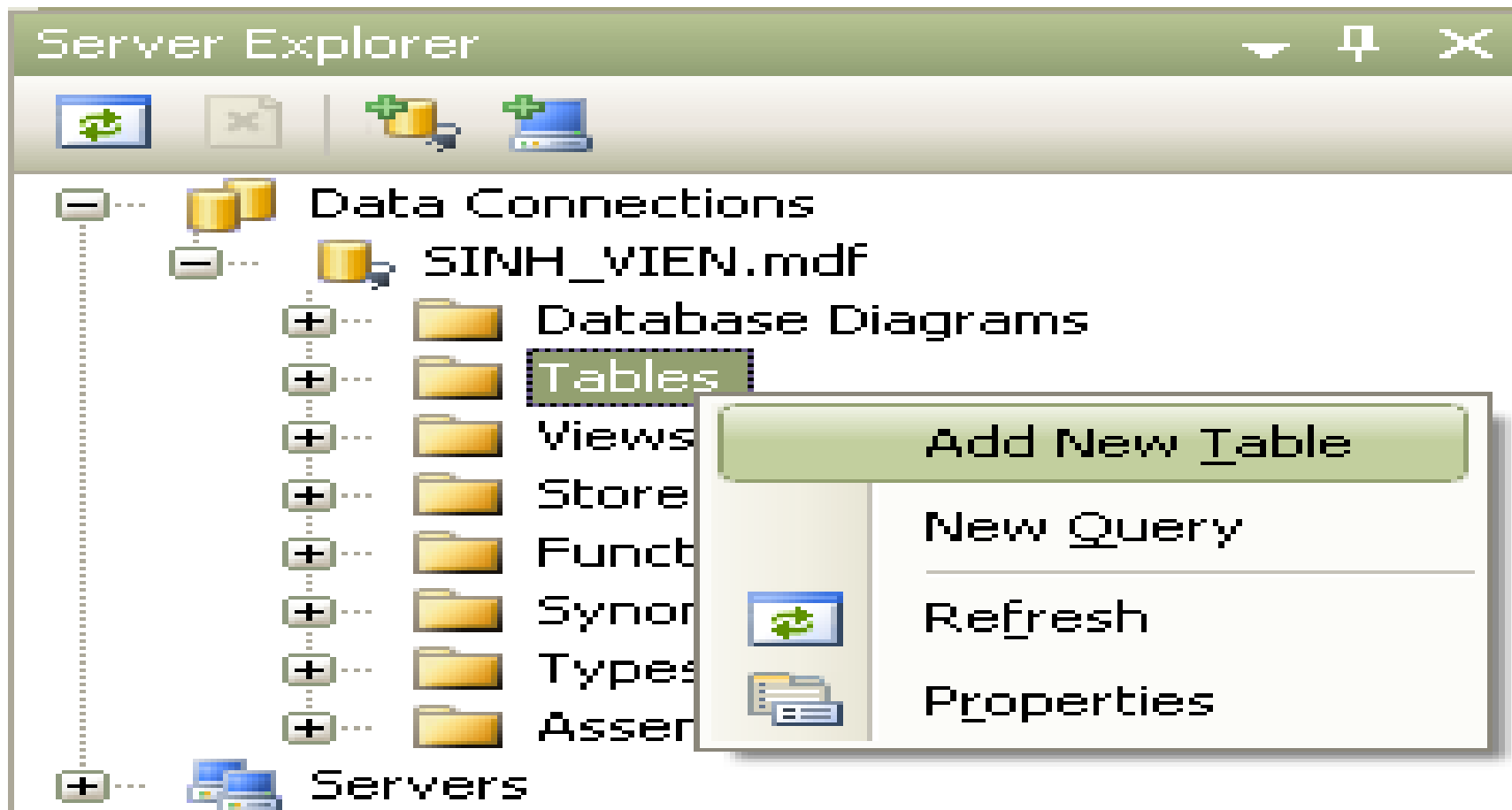
4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

- Sau khi bấm nút Finish



4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

■ Tạo Table



4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

- Thiết kế Table như sau











dbo.Table1: T...INH_VIEN.MDF)*			Form1.cs [Design]*	Star
	Column Name	Data Type	Allow Nulls	
	masinhvien	nchar(5)	<input type="checkbox"/>	
	tensinhvien	nchar(30)	<input type="checkbox"/>	
	diachi	nchar(30)	<input checked="" type="checkbox"/>	
	gioitinh	nchar(5)	<input checked="" type="checkbox"/>	
	diem	real	<input checked="" type="checkbox"/>	
▶			<input type="checkbox"/>	

4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

■ Đặt thuộc tính khóa


dbo.Table1: T...INH_VIEN.MDF)* Form1.cs [Design]* Start

Column Name	Data Type	Allow Nulls
masinhvien	nchar(5)	<input type="checkbox"/>
	30)	<input type="checkbox"/>
	30)	<input checked="" type="checkbox"/>
	5)	<input checked="" type="checkbox"/>
		<input checked="" type="checkbox"/>
		<input type="checkbox"/>

-  Set Primary Key
-  Insert Column
-  Delete Column
-  Relationships...
-  Indexes/Keys...
-  Fulltext Index...
-  XML Indexes...
-  Check Constraints...
-  Generate Change Script...
-  Properties

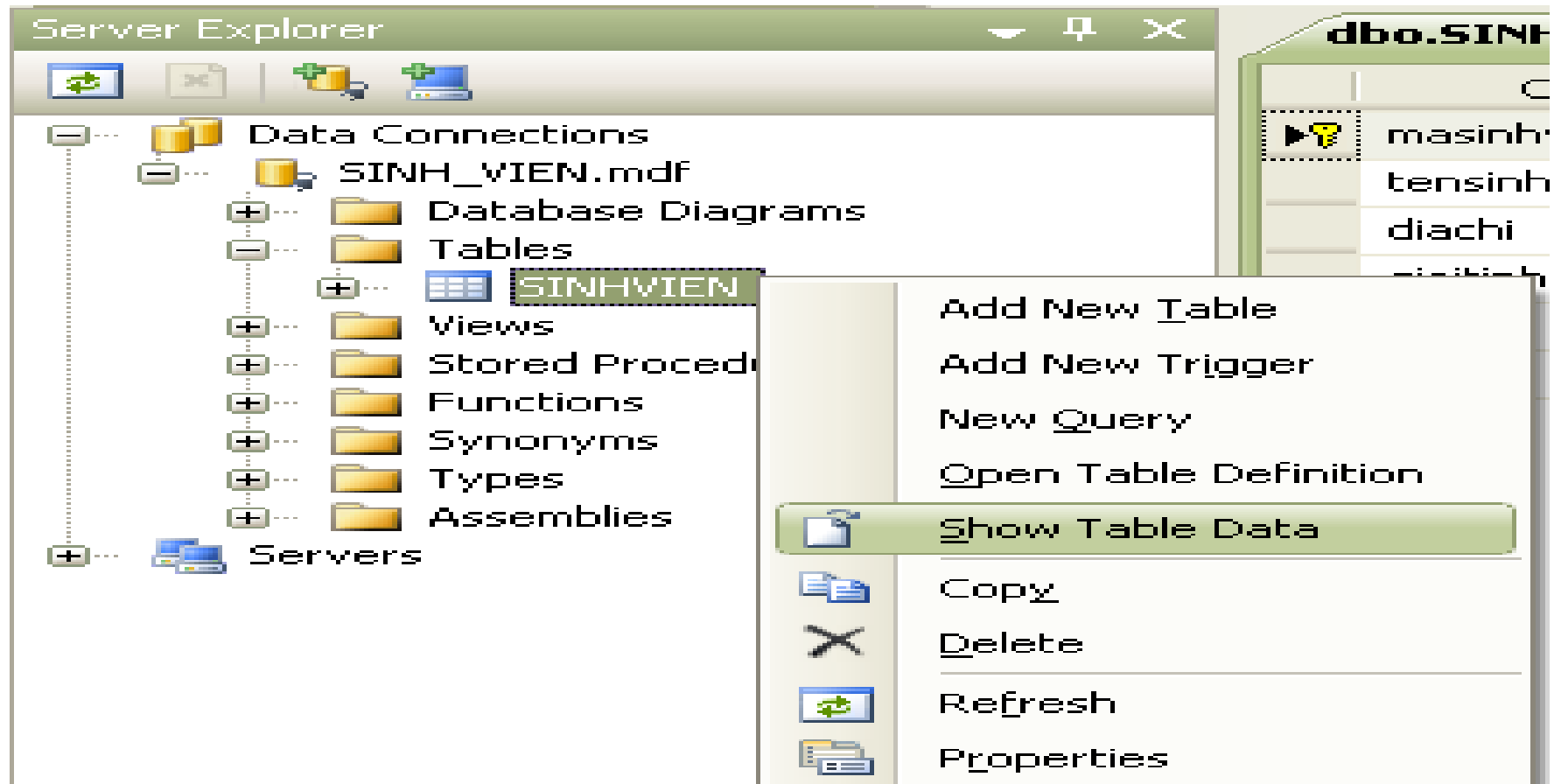
4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

■ Biểu tượng khóa

dbo.Table1: T...INH_VIEN.MDF)*			Form1.cs [Design]*	Sta
	Column Name	Data Type	Allow Nulls	
	masinhvien	nchar(5)	<input type="checkbox"/>	
	tensinhvien	nchar(30)	<input type="checkbox"/>	
	diachi	nchar(30)	<input checked="" type="checkbox"/>	
	gioitinh	nchar(5)	<input checked="" type="checkbox"/>	
	diem	real	<input checked="" type="checkbox"/>	
			<input type="checkbox"/>	

4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

■ Nhập dữ liệu cho Table



4.1. Tạo cơ sở dữ liệu(tt)

SINHVIEN: Que...INH_VIEN.MDF)

dbo.SINHVIEN: ...SINH_VIEN.MDF)

Form1.cs [Desig

	masinhvien	tensinhvien	diachi	gioitinh	diem
	TIND1	Nguyễn Văn An	Đà Nẵng	Nam	7
	TIND2	Trần Thị Yến	Đà Nẵng	Nữ	7
	XD001	Lê Văn Dũng	Hà Nội	Nam	8
	KT001	Lê Thị Thảo	Quảng Nam	Nữ	8
►*	NULL	NULL	NULL	NULL	NULL

4.3. Truy xuất cơ sở dữ liệu

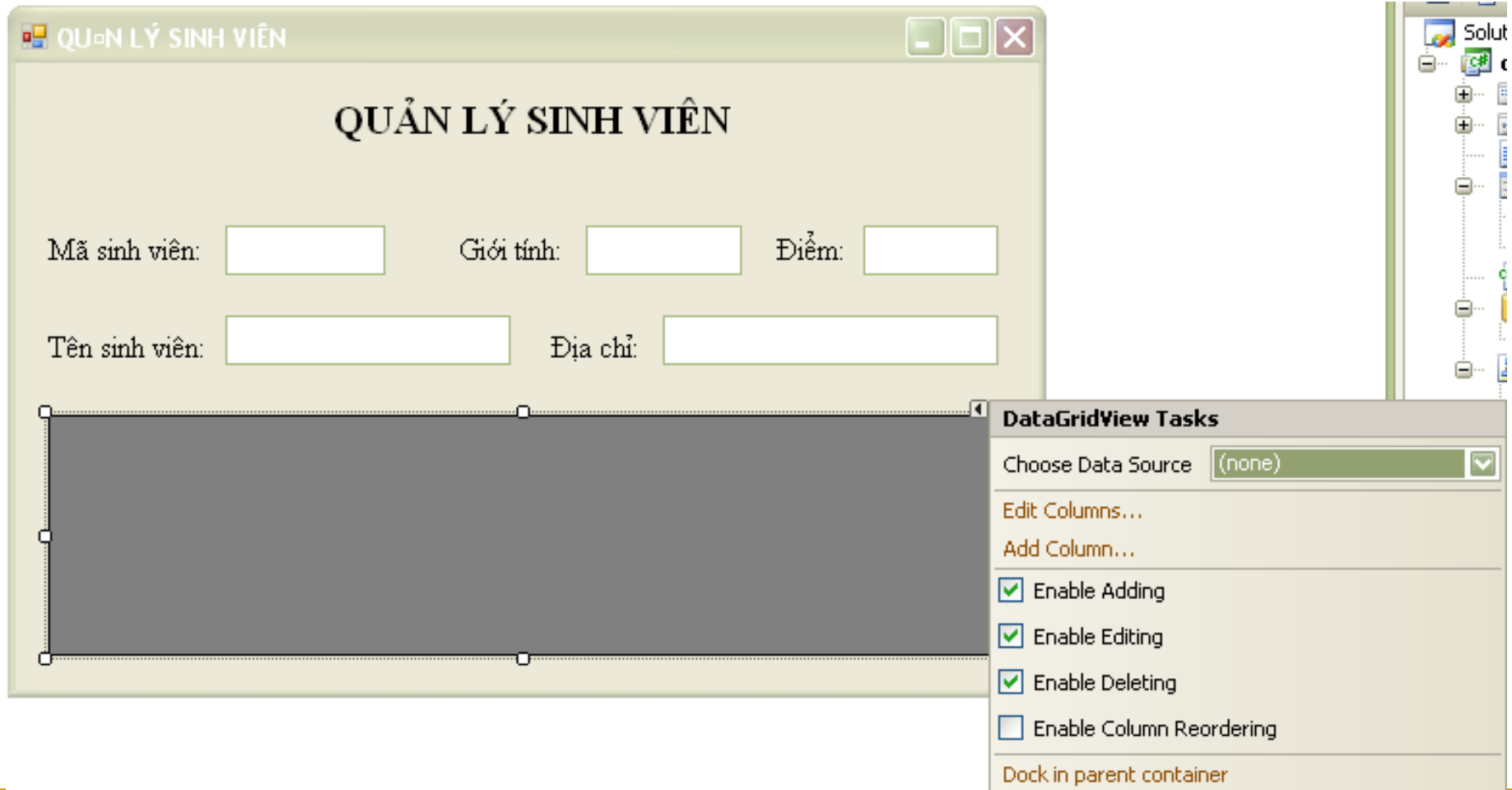
- Thiết kế giao diện đặt DataGridView lên Form

The screenshot shows a Windows application window titled "QUẢN LÝ SINH VIÊN". The window has a title bar with standard minimize, maximize, and close buttons. The main area of the window is light beige and contains the following elements:

- A title "QUẢN LÝ SINH VIÊN" centered at the top in a bold, black, serif font.
- Five input fields arranged in two rows:
 - Top row: "Mã sinh viên:" followed by a text box, "Giới tính:" followed by a text box, and "Điểm:" followed by a text box.
 - Bottom row: "Tên sinh viên:" followed by a text box, and "Địa chỉ:" followed by a text box.
- A large, empty DataGridView control at the bottom, represented by a gray rectangle with a dashed border and small square handles at the corners and midpoints for resizing.

4.3. Truy xuất cơ sở dữ liệu(tt)

- Click vào biểu tượng mũi tên, chọn Add Column...



4.3. Truy xuất cơ sở dữ liệu(tt)

■ Name giống tên trường của Table

The screenshot displays a Visual Studio IDE window titled 'QUẢN LÝ SINH VIÊN'. On the left, the 'Data Connections' tree shows a project named 'SINH_VIEN.mdf' containing a 'Tables' folder with a table named 'SINHVIEN'. The table has columns: 'masinhvien', 'tensinhvien', 'diachi', 'gioitinh', and 'diem'. Below the table list, there are folders for 'Views', 'Stored Procedures', 'Functions', 'Synonyms', 'Types', and 'Assemblies', and a 'Servers' folder at the bottom.

The main window shows a data grid with two columns: 'Mã sinh viên' and 'Tên sinh viên'. An 'Add Column' dialog box is open, showing the 'Unbound column' option selected. The dialog fields are: Name: 'tensinhvien', Type: 'DataGridViewTextBoxColumn', and Header text: 'Tên sinh viên'. There are checkboxes for 'Visible' (checked), 'Read Only', and 'Frozen'. 'Add' and 'Close' buttons are at the bottom.

On the right, a 'DataGridView Tasks' panel is visible with the following options:

- Choose Data Source: (none)
- Edit Columns...
- Add Column...
- ☐ Enable Adding
- ☐ Enable Editing
- ☐ Enable Deleting
- ☐ Enable Column Reordering

4.3. Truy xuất cơ sở dữ liệu(tt)

- Chọn Edit Columns ... để đặt thuộc tính của trường

The screenshot displays a Windows application window titled "QUẢN LÝ SINH VIÊN". Inside the window, there is a form with the following fields:

- Mã sinh viên: [text box]
- Giới tính: [text box]
- Điểm: [text box]
- Tên sinh viên: [text box]
- Địa chỉ: [text box]

Below the form is a DataGrid with the following columns:

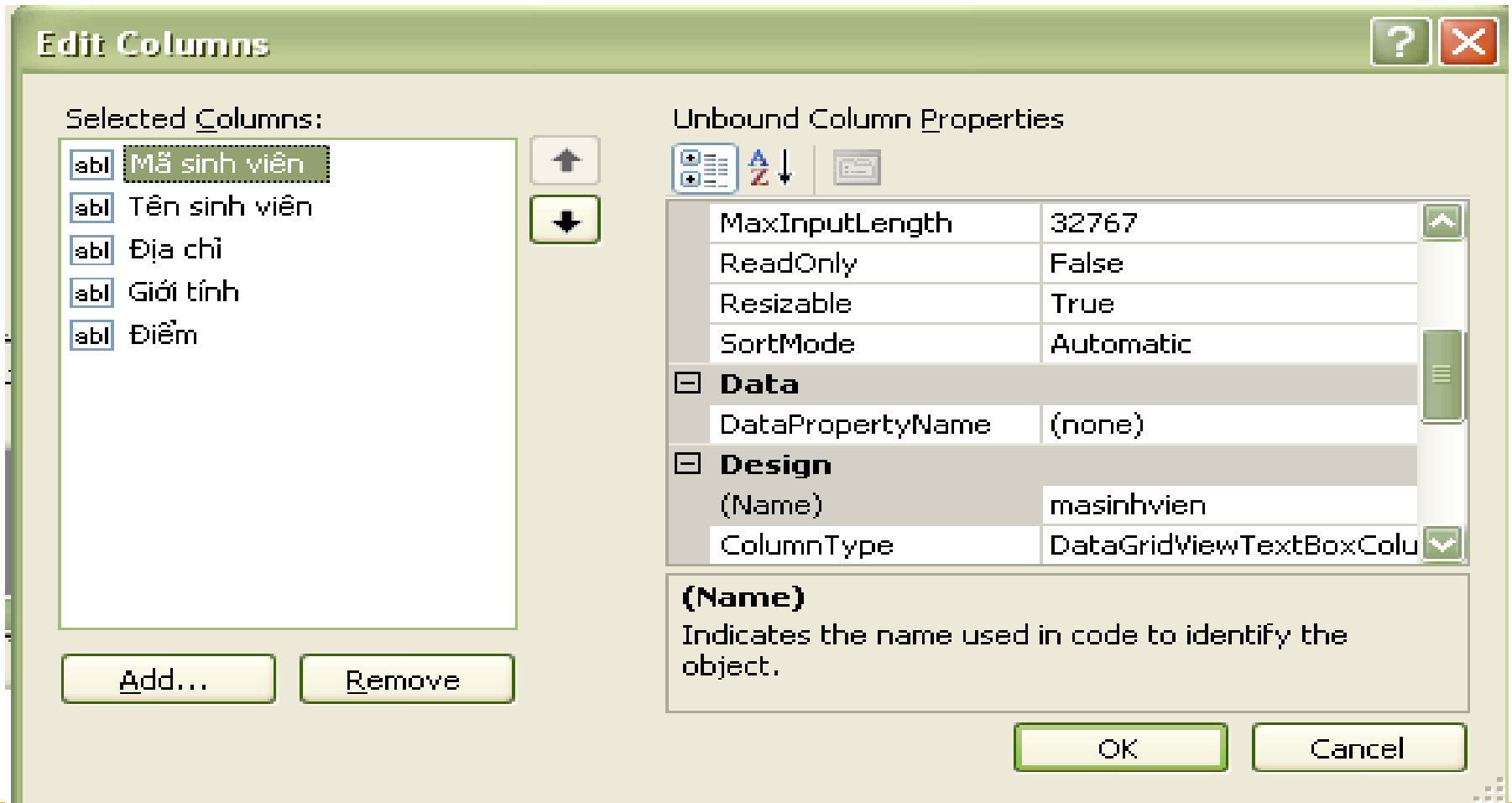
Mã sinh viên	Tên sinh viên	Địa chỉ	Giới tính	Điểm
[Empty row]				

A context menu titled "DataGridView Tasks" is open over the DataGrid. The menu options are:

- Choose Data Source: (none)
- Edit Columns...
- Add Column...
- ☐ Enable Adding
- ☐ Enable Editing
- ☐ Enable Deleting
- ☐ Enable Column Reordering

4.3. Truy xuất cơ sở dữ liệu(tt)

- Thuộc tính DataPropertyName đang là (none)



4.3. Truy xuất cơ sở dữ liệu(tt)

- Đặt thuộc tính DataPropertyName giống (name)

Edit Columns

Selected Columns:

- abl Mã sinh viên
- abl Tên sinh viên
- abl Địa chỉ
- abl Giới tính
- abl Điểm

Unbound Column Properties

MaxInputLength	32767
ReadOnly	False
Resizable	True
SortMode	Automatic
Data	
DataPropertyName	masinhvien
Design	
(Name)	masinhvien
ColumnType	DataGridViewTextBoxColumn

DataPropertyName
The name of the data source property or database column to which the DataGridViewColumn is bound.

OK Cancel

4.3. Truy xuất cơ sở dữ liệu(tt)

- Đặt thuộc tính AutoSizeMode: ColumnHeader

Edit Columns

Selected Columns:

- abl Mã sinh viên
- abl Tên sinh viên
- abl Địa chỉ
- abl Giới tính
- abl Điểm

Buttons: Add..., Remove

Bound Column Properties

Design

(Name)	masinhvien
ColumnType	DataGridViewTextBoxColumn

Layout

AutoSizeMode	ColumnHeader
DividerWidth	0
FillWeight	100
Frozen	False

AutoSizeMode
Determines the auto size mode for this column.

Buttons: OK, Cancel

